

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 35



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược Enlie (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020.

1. Thông tin chung về Công ty:

Thành lập:

Công ty Cổ phần Dược Enlie đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số: 3700683163, đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 12 năm 2005, thay đổi lần 16 ngày 07 tháng 07 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp.

Hình thức sở hữu vốn: Công ty Cổ phần.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty:

Sản xuất, mua bán các loại dược phẩm, vật tư y tế; sản xuất, gia công các loại thực phẩm và thực phẩm chức năng; kinh doanh bất động sản.

Tên tiếng Anh: ENLIE PHARMACEUTICAL JOINT STOCK COMPANY.

Tên viết tắt: ENLIE PHARMA.

Trụ sở chính: Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Vốn điều lệ tại ngày 31/12/2020 là: 60.000.000.000 đồng (Sáu mươi tỷ đồng chẵn).

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động:

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm 2020 của Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính đính kèm.

3. Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc:

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập bảng báo cáo tài chính này là:

Hội đồng quản trị:

Họ và tên

Ông Phan Thanh Long	Chủ tịch HĐQT (bổ nhiệm ngày 01/06/2020)
Ông An Mạnh Hùng	Chủ tịch HĐQT (miễn nhiệm ngày 01/06/2020)
Ông Phan Thanh Sơn	Thành viên
Ông Phan Thanh Long	Thành viên (miễn nhiệm ngày 01/06/2020)
Ông An Mạnh Hùng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 01/06/2020)
Ông Phạm Văn Dũng	Thành viên
Ông Lê Minh Trí	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc:

Họ và tên

Ông An Mạnh Hùng	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01/07/2020)
Ông Phạm Văn Dũng	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01/07/2020)
Ông Lê Sỹ Tuấn	Giám đốc sản xuất

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính như sau:

Ông An Mạnh Hùng
Ông Phạm Văn Dũng

Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01/07/2020)
Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 30/06/2020)

4. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam ("DFK") được chỉ định là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020.

5. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và các tình hình lưu chuyển tiền tệ của kỳ kế toán kết thúc vào cùng ngày. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

6. Xác nhận

Chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Bình Dương, ngày 18 tháng 03 năm 2021
Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc



AN MẠNH HÙNG
Tổng Giám đốc

Số: 237/2020/DFK-BCKiT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dược Enlie ("Công ty"), được lập ngày 18 tháng 03 năm 2021, từ trang 04 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dược Enlie tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2019 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ về việc chia cổ tức và trích các quỹ vượt quá số dư lợi nhuận chưa phân phối.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2021

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DFK VIỆT NAM



NGUYỄN LƯƠNG NHÂN
Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHNKT: 0182-2018-042-1

LÊ ĐÌNH HUYÊN
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHNKT: 1756-2018-042-1



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

MẪU SỐ B01 – DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VNĐ	
			31/12/2020	01/01/2020
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		29.069.069.948	37.815.684.792
<i>I . Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110	V.1	2.243.358.317	1.043.891.430
1 . Tiền	111		2.243.358.317	1.043.891.430
2 . Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<i>II . Đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120		-	10.000.000.000
1 . Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	10.000.000.000
<i>III . Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	130		16.812.874.015	9.814.359.354
1 . Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	16.087.289.019	10.008.482.581
2 . Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	1.079.465.543	29.358.529
3 . Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	88.731.400	59.580.051
4 . Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(442.611.947)	(283.061.807)
<i>IV . Hàng tồn kho</i>	140	V.6	9.177.430.955	16.043.593.511
1 . Hàng tồn kho	141		9.177.430.955	16.043.698.029
2 . Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(104.518)
<i>V . Tài sản ngắn hạn khác</i>	150		835.406.661	913.840.497
1 . Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	286.829.679	227.204.816
2 . Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	V.14a	483.856.157	621.914.856
3 . Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14b	64.720.825	64.720.825
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		43.567.135.535	36.708.610.347
<i>I . Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		555.000	-
1 . Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	555.000	-
<i>II . Tài sản cố định</i>	220		27.989.812.041	30.907.744.587
1 . Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	27.914.185.857	30.832.118.403
- Nguyên giá	222		79.247.292.767	79.243.092.767
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(51.333.106.910)	(48.410.974.364)
2 . Tài sản cố định vô hình	227	V.9	75.626.184	75.626.184
- Nguyên giá	228		394.717.084	394.717.084
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(319.090.900)	(319.090.900)
<i>III . Bất động sản đầu tư</i>	230		-	-
<i>IV . Tài sản dở dang dài hạn</i>	240		5.413.914.545	-
1 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	5.413.914.545	-
<i>V . Đầu tư tài chính dài hạn</i>	250	V.11	5.000.000.000	250.000.000
1 . Đầu tư vào công ty con	251		5.000.000.000	250.000.000
<i>VI . Tài sản dài hạn khác</i>	260		5.162.853.949	5.550.865.760
1 . Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	5.162.853.949	5.550.865.760
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		72.636.205.483	74.524.295.139

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

MẪU SỐ B01 – DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

			Đơn vị: VNĐ	
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		22.297.851.943	17.077.272.950
I . Nợ ngắn hạn	310		18.652.764.797	14.672.012.950
1 . Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	7.920.988.679	3.912.821.193
2 . Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	917.268.523	2.525.310.822
3 . Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14c	17.773.971	15.178.069
4 . Phải trả người lao động	314	V.15	829.901.091	895.181.978
5 . Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	738.668.010	178.926.095
6 . Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17a	4.319.107.732	5.455.498.803
7 . Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	3.180.122.801	307.812.000
8 . Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		728.933.990	1.381.283.990
II . Nợ dài hạn	330		3.645.087.146	2.405.260.000
1 . Phải trả dài hạn khác	337	V.17b	619.251.250	1.265.925.000
2 . Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	3.025.835.896	1.139.335.000
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		50.338.353.540	57.447.022.189
I . Vốn chủ sở hữu	410	V.19	50.338.353.540	57.447.022.189
1 . Vốn góp của chủ sở hữu	411		60.000.000.000	60.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		60.000.000.000	60.000.000.000
2 . Quỹ đầu tư phát triển	418		24.103.060	24.103.060
3 . Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(9.685.749.520)	(2.577.080.871)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(2.577.080.871)	5.440.145
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(7.108.668.649)	(2.582.521.016)
II . Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		72.636.205.483	74.524.295.139



Người lập biểu

NGUYỄN THỊ MỸ TRINH

Bình Dương, ngày 18 tháng 03 năm 2021



Kế toán trưởng

PHẠM HỒNG NHUNG



Tổng Giám đốc

AN MẠNH HÙNG

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

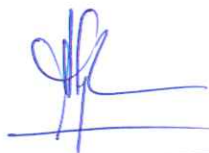
Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

MẪU SỐ B02 – DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Năm 2020	Năm 2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		45.697.664.578	56.211.867.808
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.940.862.161	13.569.500
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	43.756.802.417	56.198.298.308
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	46.120.477.509	47.379.773.503
5. Lợi nhuận/(Lỗ) gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(2.363.675.092)	8.818.524.805
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	759.020.909	755.352.005
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	308.579.337	66.066.385
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		296.689.967	43.233.385
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	2.704.897.533	5.516.157.536
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	7.147.141.893	6.769.010.418
10. (Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(11.765.272.946)	(2.777.357.529)
11. Thu nhập khác	31		4.663.149.555	200.127.018
12. Chi phí khác	32		6.545.258	5.290.505
13. Lợi nhuận khác	40	VI.7	4.656.604.297	194.836.513
14. Tổng (lỗ) kế toán trước thuế	50		(7.108.668.649)	(2.582.521.016)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. (Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(7.108.668.649)	(2.582.521.016)



Người lập biểu
NGUYỄN THỊ MỸ TRINH
Bình Dương, ngày 18 tháng 03 năm 2021



Kế toán trưởng
PHẠM HỒNG NHUNG



Tổng Giám đốc
AN MẠNH HÙNG

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

MẪU SỐ B03 – DN

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị: VNĐ	
		Năm 2020	Năm 2019
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. (Lỗ) trước thuế	01	(7.108.668.649)	(2.582.521.016)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	2.933.052.546	3.129.239.175
- Các khoản dự phòng	03	159.445.622	(266.796.945)
- (Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	370	(7.100)
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(758.640.909)	(809.890.360)
- Chi phí lãi vay	06	296.689.967	43.233.385
3. (Lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(4.478.121.053)	(486.742.861)
- (Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(7.020.561.102)	17.694.667.255
- (Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	6.866.267.074	(809.378.364)
- Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	1.403.169.296	(688.888.500)
- Giảm chi phí trả trước	12	328.386.948	559.418.787
- Tiền lãi vay đã trả	14	(296.689.967)	(43.233.385)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(652.350.000)	(3.357.141.940)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(3.849.898.804)	12.868.700.992
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(5.445.414.545)	(5.383.034.545)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	16.000.000	54.545.455
- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(3.800.000.000)	-
- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	13.800.000.000	-
- Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(4.750.000.000)	(250.000.000)
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	759.020.909	755.344.905
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	579.606.364	(4.823.144.185)



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)**MẪU SỐ B03 – DN***(Theo phương pháp gián tiếp)**Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020*

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị: VNĐ	
		Năm 2020	Năm 2019
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
- Tiền thu từ đi vay	33	16.594.062.242	1.539.100.000
- Tiền trả nợ gốc vay	34	(11.835.250.545)	(91.953.000)
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(289.052.000)	(14.584.722.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	4.469.759.697	(13.137.575.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	1.199.467.257	(5.092.018.193)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1.043.891.430	6.135.902.523
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(370)	7.100
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	2.243.358.317	1.043.891.430



Người lập biểu

NGUYỄN THỊ MỸ TRINH*Bình Dương, ngày 18 tháng 03 năm 2021*


Kế toán trưởng

PHẠM HỒNG NHUNG

Tổng Giám đốc

AN MẠNH HÙNG

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thành lập

Công ty Cổ phần Dược Enlie đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số: 3700683163, đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 12 năm 2005, thay đổi lần 16 ngày 07 tháng 07 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp.

Hình thức sở hữu vốn: Công ty Cổ phần

Trụ sở chính: Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Vốn điều lệ tại ngày 31/12/2020: 60.000.000.000 đồng (Sáu mươi tỷ đồng chẵn).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, mua bán các loại dược phẩm, vật tư y tế; sản xuất, gia công các loại thực phẩm và thực phẩm chức năng; kinh doanh bất động sản.

3. Ngành nghề kinh doanh

Sản xuất dược phẩm, vật tư y tế; kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu, sản xuất, gia công các loại thực phẩm và thực phẩm chức năng; mua bán dược phẩm, vật tư y tế, mỹ phẩm; mua bán hóa chất (trừ hóa chất bảng 1 theo Công ước quốc tế), nguyên liệu phục vụ cho sản xuất dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm, các loại thực phẩm và thực phẩm chức năng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: không có.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VNĐ).

III. CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014 và các thông tư sửa đổi, bổ sung.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực và chế độ kế toán

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán lập và trình bày báo cáo tài chính theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các tình hình lưu chuyển tiền tệ của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo Cáo Tài Chính".

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt thời kỳ tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và các khoản tương đương tiền.

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Nguyên tắc kế toán đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, các khoản đầu tư này được đánh giá theo giá trị có thể thu hồi. Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và ghi giảm giá trị đầu tư.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết và có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động, nhằm thu được lợi ích

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

kinh tế từ các hoạt động của công ty đó. Khi Công ty không còn nắm giữ quyền kiểm soát công ty con thì ghi giảm khoản đầu tư vào công ty con.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con

Khoản vốn doanh nghiệp đang đầu tư vào công ty con được thành lập theo quy định của pháp luật phải trích lập dự phòng nếu tổ chức kinh tế mà doanh nghiệp đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư).

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu: theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn...

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm;
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm giá mua, chi phí vận chuyển và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung phát sinh trong năm.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Theo thực tế đích danh.

Hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

6. Tài sản cố định và khấu hao

6.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp tài sản cố định hữu hình mua sắm

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

6.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

Quyền sử dụng đất là toàn bộ chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

6.3 Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

<i>Nhóm tài sản</i>	<i>Số năm trích khấu hao</i>
Nhà cửa, vật kiến trúc	16 – 30 năm
Phương tiện vận tải	05 – 10 năm
Máy móc thiết bị	05 – 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05 năm
Tài sản cố định khác	05 – 08 năm
Phần mềm máy tính	03 – 08 năm

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của công ty bao gồm các chi phí sau: tiền thuê đất và công cụ dụng cụ tại văn phòng.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước:

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ trên 12 tháng đến 36 tháng.

Tiền thuê đất:

Tiền thuê đất đã trả cho Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là 35 năm.

8. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

9. Nguyên tắc ghi nhận vay

Giá trị các khoản vay được ghi nhận là tổng số tiền đi vay của các ngân hàng, tổ chức, công ty tài chính và các đối tượng khác (không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai). Các khoản vay được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ.

10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay:

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: Lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại chuẩn mực kế toán số 16 " Chi phí đi vay".

Tỷ lệ vốn hóa được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong năm: Trường hợp phát sinh các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hóa trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ đó.

11. Tiền lương và các khoản trích theo lương

Tiền lương được tính và trích lập trong chi phí trong kỳ theo hợp đồng lao động. Công ty trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp dựa trên lương hợp đồng như sau: Bảo hiểm xã hội được trích vào chi phí là 17,5% và 8 % từ lương công nhân viên; Bảo hiểm y tế được trích vào chi phí là 3% và 1,5% từ lương công nhân viên và Bảo hiểm thất nghiệp được trích vào chi phí là 1% và 1% từ lương công nhân viên, Công ty trích kinh phí công đoàn vào chi phí là 2% và 1% đoàn phí từ lương công nhân viên.

12. Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu:

Vốn góp của chủ sở hữu do các thành viên góp vốn, hoặc được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế của hoạt động kinh doanh. Nguồn vốn kinh doanh được ghi nhận theo số vốn thực tế chủ sở hữu đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty và thông qua Hội đồng Thành viên hàng năm.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp trả lại dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác); 4. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp; 2. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó. Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi, lãi chênh lệch tỷ giá và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.
Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ; các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh và các chi phí khác được ghi nhận vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn trong kỳ báo cáo. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Các chi phí vượt trên mức tiêu hao bình thường được ghi nhận ngay vào giá vốn theo nguyên tắc thận trọng.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: Các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là 20%.

18. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng thành viên, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU B09 - DN**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2020	01/01/2020
	VNĐ	VNĐ
Tiền mặt	87.501.689	45.050.946
- VNĐ	87.501.689	45.050.946
Tiền gửi ngân hàng	2.155.856.628	998.840.484
- VNĐ	2.155.306.848	997.985.414
- USD	549.780	855.070
Cộng	2.243.358.317	1.043.891.430

2. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2020	01/01/2020
	VNĐ	VNĐ
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	16.087.289,019	10.008.482,581
- Công ty TNHH MTV Dược Enline	12.293.196.917	-
- Công ty CP Kinh Doanh và Phát Triển Bình Dương	1.743.948.183	1.743.948.183
- Bùi Thị Xuân Mai	-	1.321.140.566
- Công ty TNHH Dược Phẩm Tâm Minh	-	1.519.410.172
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	2.050.143.919	5.423.983.660
Cộng	16.087.289,019	10.008.482,581
b. Phải thu từ bên liên quan		
- Công ty CP Dược An Đông	727.104.558	388.303.792
- Công ty TNHH MTV Dược Enline	12.293.196.917	-
- Công ty CP Dược Đại Nam	-	1.409.037
Cộng	13.020.301,475	389.712,829

3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2020	01/01/2020
	VNĐ	VNĐ
Trả trước cho người bán	1.079.465,543	29.358,529
- Công ty TNHH Xây Dựng Và Thương Mại Tổng Hợp Sông Châu	685.575.200	-
- Công Ty TNHH TM Xây Dựng Phòng Cháy Chữa Cháy Bình Gia Phát	224.750.000	-
- Trả trước cho người bán khác	169.140.343	29.358.529
Cộng	1.079.465,543	29.358,529

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

4. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
a. Phải thu ngắn hạn khác	88.731.400	-	59.580.051	-
- Tạm ứng	88.731.400	-	38.662.000	-
- Phải thu ngắn hạn khác	-	-	20.918.051	-
b. Phải thu dài hạn khác	555.000	-	-	-
- Ký cược, ký quỹ	555.000	-	-	-
Cộng	89.286.400	-	59.580.051	-

5. DỰ PHÒNG/ NỢ XẤU**5.1 DỰ PHÒNG**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
	612.606.947	442.611.947	284.413.332	283.061.807
- Công Ty TNHH Dược Phẩm Lâm Tường Phát	339.990.000	169.995.000	-	-
- Quầy Imexpharm	191.687.001	191.687.001	191.687.001	191.687.001
- Khách hàng khác	76.049.946	76.049.946	76.468.252	75.116.727
- Trả trước cho người bán	4.880.000	4.880.000	16.258.079	16.258.079
Cộng	612.606.947	442.611.947	284.413.332	283.061.807

5.2 NỢ XẤU

	Đối tượng nợ	31/12/2020		01/01/2020	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi
		VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
- Từ 3 năm trở lên	- Quầy Imexpharm	191.687.001	-	191.687.001	-
	- Khách hàng khác	80.929.946	-	88.500.119	-
- Từ 2 năm đến dưới 3 năm	- Bệnh viện II Lâm Đồng	-	-	3.807.906	-
- Từ 1 đến dưới 2 năm	- Công Ty TNHH Dược Phẩm Lâm Tường Phát	339.990.000	-	-	-
	- Bệnh viện Sản Nhi An Giang	-	-	418.306	-
Cộng		612.606.947	-	284.413.332	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU B09 - DN**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
- Nguyên liệu, vật liệu	6.932.469.104	-	6.336.941.742	-
- Công cụ, dụng cụ	5.032.365	-	15.123.165	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.098.936.332	-	1.301.948.059	-
- Thành phẩm	115.254.555	-	6.464.182.430	-
- Hàng hoá	3.402.000	-	1.903.166.034	(104.518)
- Hàng gửi bán	22.336.599	-	22.336.599	-
Cộng	9.177.430.955	-	16.043.698.029	(104.518)

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2020	01/01/2020
	VNĐ	VNĐ
Chi phí trả trước ngắn hạn	286.829.679	227.204.816
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	224.317.354	73.457.506
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	62.512.325	153.747.310
Chi phí trả trước dài hạn	5.162.853.949	5.550.865.760
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	410.629.242	661.943.372
- Tiền thuê đất trả trước (*)	4.630.592.142	4.795.970.430
- Chi phí trả trước dài hạn khác	121.632.565	92.951.958
Cộng	5.449.683.628	5.778.070.576

(*) Là quyền sử dụng đất có thời hạn theo theo giấy chứng nhận số BA 163323 cấp ngày 10/08/2010 tại địa chỉ thửa đất số B-8-CN và B-7B-CN KCN Mỹ Phước II, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Diện tích: 41.657 m2. Thời hạn sử dụng đến tháng 01/2055.

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH (xem trang 34)**9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

NGUYÊN GIÁ	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Cộng
	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Tại ngày 01/01/2020	75.626.184	319.090.900	394.717.084
Tại ngày 31/12/2020	75.626.184	319.090.900	394.717.084
GIÁ TRỊ KHẤU HAO LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2020	-	319.090.900	319.090.900
Tại ngày 31/12/2020	-	319.090.900	319.090.900
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2020	75.626.184	-	75.626.184
Tại ngày 31/12/2020	75.626.184	-	75.626.184

* Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 319.090.900 VNĐ.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG DỠ DANG

	31/12/2020	01/01/2020
	VNĐ	VNĐ
- Hệ thống trong phòng sạch của công trình nhà xưởng sản xuất thuốc	5.413.914.545	-
Cộng	5.413.914.545	-

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

	31/12/2020			01/01/2020		
	Giá gốc VNĐ	Dự phòng VNĐ	Giá trị hợp lý VNĐ	Giá gốc VNĐ	Dự phòng VNĐ	Giá trị hợp lý VNĐ
Đầu tư vào công ty con	5.000.000.000	-	5.000.000.000	250.000.000	-	250.000.000
- Công ty TNHH MTV Dược Enlie	5.000.000.000	-	5.000.000.000	250.000.000	-	250.000.000
Cộng	5.000.000.000	-	5.000.000.000	250.000.000	-	250.000.000

Đầu tư vào công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Dược Enlie với số tiền là 5.000.000.000 VNĐ, tương ứng 100% vốn điều lệ. Theo giấy chứng nhận doanh nghiệp số 3702821179, thay đổi lần thứ 2 vào ngày 25 tháng 06 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VNĐ	Số có khả năng trả nợ VNĐ	Giá trị VNĐ	Số có khả năng trả nợ VNĐ
a. Phải trả người bán ngắn hạn	7.920.988.679	7.920.988.679	3.912.821.193	3.912.821.193
- Công ty TNHH Suheung Việt Nam	1.669.269.000	1.669.269.000	103.876.500	103.876.500
- Công Ty TNHH MTV dược Anpharma	735.500.000	735.500.000	199.212.500	199.212.500
- Phải trả người bán ngắn hạn khác	5.516.219.679	5.516.219.679	3.609.732.193	3.609.732.193
Cộng	7.920.988.679	7.920.988.679	3.912.821.193	3.912.821.193
b. Phải trả cho bên liên quan				
- Công ty TNHH MTV Dược Enlie	4.811.100	4.811.100	-	-
- Công ty CP Dược Đại Nam	453.639.413	453.639.413	43.234.509	43.234.509
Cộng	458.450.513	458.450.513	43.234.509	43.234.509

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU B09 - DN**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/12/2020	01/01/2020
	VNĐ	VNĐ
a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	917.268.523	2.525.310.822
- Công ty TNHH Đại Bắc	163.460.000	-
- Cửa hàng kinh doanh 42 (Quận 10 - TP. HCM)	-	1.300.000.000
- Công ty TNHH Dược Phẩm Mỹ Đức	200.000.000	-
- Công ty TNHH M&N Hợp Nhất	92.500.000	-
- Công ty CP Dược Đại Nam	131.170.000	-
- Người mua khác trả tiền trước ngắn hạn	330.138.523	1.225.310.822
Cộng	917.268.523	2.525.310.822
b. Bên liên quan trả tiền trước		
- Công ty CP Dược Đại Nam	131.170.000	-
Cộng	131.170.000	-

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	01/01/2020	Số phải thu	Số đã thu/ khấu trừ	31/12/2020
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
a. Thuế GTGT được khấu trừ				
- Thuế GTGT được khấu trừ	621.914.856	2.598.403.067	2.736.461.766	483.856.157
Cộng	621.914.856	2.598.403.067	2.736.461.766	483.856.157
b. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước				
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	64.720.825	-	-	64.720.825
Cộng	64.720.825	-	-	64.720.825

	01/01/2020	Số phải nộp	Số đã nộp/ khấu trừ	31/12/2020
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
c. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước				
- Thuế GTGT	-	2.819.099.032	2.819.099.032	-
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	106.015.152	106.015.152	-
- Thuế nhập khẩu	-	833.040	833.040	-
- Thuế TNCN	15.178.069	170.763.433	168.167.531	17.773.971
- Thuế môn bài	-	155.000.000	155.000.000	-
Cộng	15.178.069	3.251.710.657	3.249.114.755	17.773.971

(*) Công ty nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế GTGT như sau: Hoạt động bán dược phẩm : 5%; Hoạt động khác : 10%.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU B09 - DN**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

	31/12/2020	01/01/2020
	VNĐ	VNĐ
- Phải trả CNV lương tháng 12	829.901.091	895.181.978
Cộng	829.901.091	895.181.978

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2020	01/01/2020
	VNĐ	VNĐ
Chi phí phải trả ngắn hạn	738.668.010	178.926.095
- Trích trước chi phí lương tháng 13/2020	708.668.010	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài phải trả	30.000.000	40.000.000
- Chi phí phải trả ngắn hạn khác	-	138.926.095
Cộng	738.668.010	178.926.095

17. PHẢI TRẢ PHẢI NỘP KHÁC

	31/12/2020	01/01/2020
	VNĐ	VNĐ
a. Phải trả ngắn hạn khác	4.319.107.732	5.455.498.803
- Kinh phí công đoàn	13.694.820	-
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	100.007.912	98.121.629
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.627.500.000	2.132.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	2.533.144.000	2.822.196.000
- Phải trả ngắn hạn khác	44.761.000	403.181.174
b. Phải trả dài hạn khác	619.251.250	1.265.925.000
- Phải trả trợ cấp mất việc làm cho người lao động	619.251.250	1.265.925.000
Cộng	4.938.358.982	6.721.423.803

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU B09 - DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	01/01/2020		Trong kỳ		31/12/2020	
	Số có khả năng trả nợ		Tăng		Giảm	
	Giá trị VNĐ	Số có khả năng trả nợ VNĐ	Giá trị VNĐ	Số có khả năng trả nợ VNĐ	Giá trị VNĐ	Số có khả năng trả nợ VNĐ
a. Vay ngắn hạn	307.812.000	307.812.000	14.506.561.346	11.634.250.545	3.180.122.801	3.180.122.801
- Phạm Hồng Nhung (1)	-	-	800.000.000		800.000.000	800.000.000
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (2)	-	-	12.594.749.346	11.326.438.545	1.268.310.801	1.268.310.801
- Vay dài hạn đến hạn trả	307.812.000	307.812.000	1.111.812.000	307.812.000	1.111.812.000	1.111.812.000
b. Vay dài hạn	1.139.335.000	1.139.335.000	3.199.312.896	1.312.812.000	3.025.835.896	3.025.835.896
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (2)	1.139.335.000	1.139.335.000	3.199.312.896	1.312.812.000	3.025.835.896	3.025.835.896
Cộng	1.447.147.000	1.447.147.000	17.705.874.242	12.947.062.545	6.205.958.697	6.205.958.697

*** Thuyết minh các khoản vay ngân hàng**

STT	Số hợp đồng	Thời hạn	Lãi suất	Số dư	Hình thức đảm bảo
(1)	01/HĐVT ngày 22/12/2020	12 tháng	8%/năm	800.000.000	Không có hình thức đảm bảo
	01/2020/3936886/HĐTD ngày 19/08/2020	05 tháng	6,5%/năm	436.998.390	Hợp đồng thế chấp số: - Số: 01/2020/3936886/HĐBĐ ký ngày 20/02/2020 và các văn bản sửa đổi bổ sung kèm theo ký giữa bên vay và ngân hàng.
	01/2020/3936886/HĐTD ngày 21/09/2020	05 tháng	6,5%/năm	831.312.411	Hợp đồng thế chấp số: - Số: 01/2020/3936886/HĐBĐ ký ngày 20/02/2020. - Số: 02/2020/3936886/HĐBĐ ký ngày 21/08/2020 và các văn bản sửa đổi bổ sung kèm theo ký giữa bên vay và ngân hàng.
(2)	01/2019/3936886/HĐTD ngày 12/08/2019	60 tháng	10,2%/năm	799.000.000	Hợp đồng thế chấp số: - Số: 01/2012/3936886/HĐTC ký ngày 19/7/2012.
	02/2019/3936886/HĐTD ngày 23/09/2019	60 tháng	9,5%/năm	660.000.000	- Số: 02/2012/3936886/HĐTC ký ngày 22/11/2012. - Số: 01/2019/3936886/HĐBĐ ký ngày 23/9/2019 và các văn bản sửa đổi bổ sung kèm theo ký giữa bên vay và ngân hàng.



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU B09 - DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***19. VỐN CHỦ SỞ HỮU****19.1 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	31/12/2020		01/01/2020	
	VNĐ	%	VNĐ	%
- Công ty CP Dược Đại Nam	40.402.000.000	67,34%	40.402.000.000	67,34%
- Công ty CP Dược Hậu Giang	1.826.000.000	3,04%	1.826.000.000	3,04%
- Các cổ đông khác	17.772.000.000	29,62%	17.772.000.000	29,62%
Cộng	60.000.000.000	100,00%	60.000.000.000	100,00%

19.2 Cổ phiếu

	Từ 01/01/2020 đến 31/12/2020	Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.000.000	6.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.000.000	6.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	6.000.000	6.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.000.000	6.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	6.000.000	6.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: VNĐ/cổ phiếu	10.000	10.000

19.3 Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu (xem trang 35)**20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****20.1. Ngoại tệ các loại**

	31/12/2020	01/01/2020
Dollar Mỹ (USD)	23,80	37,00

20.2. Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2020	01/01/2020	Nguyên nhân xóa sổ
	VNĐ	VNĐ	
- Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP	1.353.900.744	1.353.900.744	Theo thỏa thuận xóa khoản hỗ trợ lãi vay của Tổng Công ty
- Công ty TNHH Dược phẩm Hưng Phúc	355.819.281	355.819.281	Không thu hồi được
- Công ty TNHH Dược phẩm Hải Tâm	540.040.712	540.040.712	Không thu hồi được
- Các khoản trả trước cho người bán	118.101.704	118.101.704	Không thu hồi được
- Các khoản phải thu khách hàng	1.200.275.023	1.200.275.023	Không thu hồi được
Cộng	3.568.137.464	3.568.137.464	

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU B09 - DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH****1. DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2020	Năm 2019
	VNĐ	VNĐ
a. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu bán hàng hoá	7.034.175.277	15.978.534.691
- Doanh thu bán thành phẩm	37.564.742.922	39.802.542.983
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.098.746.379	430.790.134
Cộng	45.697.664.578	56.211.867.808
b. Doanh thu đối với các bên liên quan		
- Công ty CP Dược An Đông	3.131.694.360	-
- Công ty TNHH MTV Dược Enline	17.368.827.726	-
- Công ty CP Dược Đại Nam	301.540.543	1.341.939

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2020	Năm 2019
	VNĐ	VNĐ
- Giá vốn hàng hoá đã bán	6.508.126.459	13.397.878.705
- Giá vốn thành phẩm đã bán	30.532.908.914	32.566.777.930
- Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	80.012.940	125.180.824
- Các khoản chi phí vượt định mức	8.842.215.362	1.289.831.526
- Giá trị hàng tồn kho mất mát trong năm	88.571.859	-
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(104.518)	104.518
- Giá vốn hàng hủy	68.746.493	-
Cộng	46.120.477.509	47.379.773.503

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VNĐ	VNĐ
- Lãi tiền gửi có kỳ hạn	757.678.357	751.191.780
- Lãi tiền gửi không kỳ hạn	1.342.552	4.153.125
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	7.100
Cộng	759.020.909	755.352.005

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU B09 - DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***4. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2020	Năm 2019
	VNĐ	VNĐ
- Lãi vay	296.689.967	43.233.385
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	11.889.000	22.833.000
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	370	-
Cộng	308.579.337	66.066.385

5. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2020	Năm 2019
	VNĐ	VNĐ
- Chi phí nhân viên	2.343.623.642	4.664.605.579
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	19.192.091	45.211.977
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	119.734.776	119.734.776
- Chi phí bằng tiền khác	222.347.024	686.605.204
Cộng	2.704.897.533	5.516.157.536

6. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2020	Năm 2019
	VNĐ	VNĐ
- Chi phí nhân viên quản lý	3.544.627.094	4.211.910.573
- Chi phí đồ dùng văn phòng	614.484.016	613.495.549
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	425.629.632	357.936.445
- Chi phí dự phòng/ hoàn nhập dự phòng	159.550.140	(266.901.463)
- Chi phí bằng tiền khác	2.402.851.011	1.852.569.314
Cộng	7.147.141.893	6.769.010.418

7. LỢI NHUẬN KHÁC

	Năm 2020	Năm 2019
	VNĐ	VNĐ
Thu nhập khác		
- Lãi từ thanh lý tài sản cố định	-	54.545.455
- Thu nhập từ nhượng quyền sở hữu, phân phối thuốc	4.304.545.455	-
- Thu nhập khác	358.604.100	145.581.563
Cộng	4.663.149.555	200.127.018
Chi phí khác		
- Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	380.000	-
- Chi phí khác	6.165.258	5.290.505
Cộng	6.545.258	5.290.505
Lợi nhuận từ hoạt động khác	4.656.604.297	194.836.513

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU B09 - DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***8. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2020	Năm 2019
	VNĐ	VNĐ
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	21.069.082.891	25.028.755.635
- Chi phí nhân công	15.959.013.212	16.032.618.512
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.933.052.546	3.129.239.175
- Chi phí bằng tiền khác	4.618.456.034	4.184.284.205
Cộng	44.579.604.683	48.374.897.527

9. MỤC TIÊU VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản

Ban Tổng Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

9.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU B09 - DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính****Độ nhạy đối với lãi suất***

Độ nhạy của các (khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn) của Công ty đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các (khoản vay) với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty như sau:

<i>Độ nhạy đối với lãi suất</i>	<i>Tăng/ giảm điểm cơ bản</i>	<i>Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế (VNĐ)</i>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020		
VNĐ	+100	(39.626.004)
VNĐ	-100	39.626.004
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019		
VNĐ	+100	(4.032.556)
VNĐ	-100	4.032.556

Mức tăng/ giảm điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại.

9.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đơn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng hầu hết các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

9.3 Rủi ro thanh toán

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU B09 - DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Dưới 01 năm VNĐ	Từ 01 - 05 năm VNĐ	Tổng cộng VNĐ
- Các khoản vay và nợ	3.180.122.801	3.025.835.896	6.205.958.697
- Phải trả người bán	7.920.988.679	-	7.920.988.679
- Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	5.057.775.742	619.251.250	5.677.026.992
Cộng	16.158.887.222	3.645.087.146	19.803.974.368
Ngày 31 tháng 12 năm 2019			
- Các khoản vay và nợ	307.812.000	1.139.335.000	1.447.147.000
- Phải trả người bán	3.912.821.193	-	3.912.821.193
- Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	5.634.424.898	1.265.925.000	6.900.349.898
Cộng	9.855.058.091	2.405.260.000	12.260.318.091

Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Tài sản đảm bảo

Công ty không nắm giữ bất kỳ tài sản đảm bảo nào của bên thứ ba vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019.

10. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả người bán và chi phí phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Ngoại trừ các khoản đề cập ở trên, nợ phải trả tài chính dài hạn khác chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và 31 tháng 12 năm 2019. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các khoản nợ phải trả tài chính này không có khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***MẤU B09 - DN**

	Giá trị ghi số				Giá trị hợp lý	
	31/12/2020		31/12/2019		31/12/2020	31/12/2019
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	10.000.000.000	-	-	10.000.000.000
- Phải thu khách hàng	16.087.289.019	-	10.008.482.581	-	16.087.289.019	10.008.482.581
- Phải thu khác	89.286.400	-	59.580.051	-	89.286.400	59.580.051
- Tiền và các khoản tương đương tiền	2.243.358.317	-	1.043.891.430	-	2.243.358.317	1.043.891.430
TỔNG CỘNG	18.419.933.736	-	21.111.954.062	-	18.419.933.736	21.111.954.062
Nợ phải trả tài chính						
- Vay và nợ	6.205.958.697	-	1.447.147.000	-	6.205.958.697	1.447.147.000
- Phải trả người bán	7.920.988.679	-	3.912.821.193	-	7.920.988.679	3.912.821.193
- Chi phí phải trả và phải trả khác	5.677.026.992	-	6.900.349.898	-	2.077.124.086	6.900.349.898
TỔNG CỘNG	19.803.974.368	-	12.260.318.091	-	16.204.071.462	12.260.318.091

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU B09 - DN**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

2. GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN

Tại ngày ngày 31 tháng 12 năm 2020, số dư các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Phát sinh trong kỳ	Số dư phải thu/ (Phải trả)
- Công ty CP Dược Đại Nam	Công ty mẹ	Mua hàng hóa	387.852.172	(131.170.000)
- Công ty Cổ Phần Dược Phẩm An Đông	Bên liên quan	Bán hàng hóa Cung cấp dịch vụ	2.945.719.530 185.974.830	727.104.558 -
- Công ty TNHH MTV Dược Enlie	Công ty con	Bán hàng hóa Cung cấp dịch vụ Bán TSCĐ Nhượng quyền TM Mua hàng hóa Góp vốn	15.846.980.756 70.000.000 78.535.455 4.304.545.455 4.582.000 4.750.000.000	7.988.651.462 - - 4.304.545.455 (4.811.100) -

+ Thu nhập của Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc

- Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc (Lương và thưởng)	Năm 2020	Năm 2019
	780.050.000	1.159.429.696

3. TRÌNH BÀY TÀI SẢN, DOANH THU KẾT QUẢ KINH DOANH THEO BỘ PHẬN

Ban Tổng Giám đốc của Công ty xác định rằng, việc ra các quyết định quản lý của Công ty chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm, dịch vụ mà Công ty cung cấp chứ không dựa trên khu vực địa lý mà công ty cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Do vậy báo cáo chính yếu của Công ty là theo lĩnh vực kinh doanh.

Báo cáo kết quả kinh doanh bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh năm 2020 như sau:

Bộ phận	Doanh thu thuần	Giá vốn	Lãi gộp
	VNĐ	VNĐ	VNĐ
- Doanh thu bán hàng hoá	7.034.175.277	6.508.126.459	526.048.818
- Doanh thu bán thành phẩm	35.623.880.761	39.532.338.110	(3.908.457.349)
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.098.746.379	80.012.940	1.018.733.439
Cộng	43.756.802.417	46.120.477.509	(2.363.675.092)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

4. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai.



Người lập biểu

NGUYỄN THỊ MỸ TRINH

Bình Dương, ngày 18 tháng 03 năm 2021



Kế toán trưởng

PHẠM HỒNG NHUNG



Tổng Giám đốc

AN MẠNH HÙNG



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***MÁU B09 - DN****V.8 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH (tiếp theo)**

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tài sản cố định hữu hình khác		Cộng	
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
NGUYÊN GIÁ												
Tại ngày 01/01/2020	36.432.860.734	36.681.652.850	4.270.921.796	253.911.155	1.603.746.232	79.243.092.767						
- Tăng trong năm	-	31.500.000	-	-	-	31.500.000						
- Giảm trong năm	(27.300.000)	-	-	-	-	(27.300.000)						
Tại ngày 31/12/2020	36.405.560.734	36.713.152.850	4.270.921.796	253.911.155	1.603.746.232	79.247.292.767						
GIÁ TRỊ KHẤU HAO LŨY KẾ												
Tại ngày 01/01/2020	14.481.400.085	30.187.976.874	2.438.106.673	253.911.155	1.049.579.577	48.410.974.364						
- Khấu hao trong kỳ	1.296.436.477	1.407.816.185	200.012.004	-	28.787.880	2.933.052.546						
- Giảm trong kỳ	(10.920.000)	-	-	-	-	(10.920.000)						
Tại ngày 31/12/2020	15.766.916.562	31.595.793.059	2.638.118.677	253.911.155	1.078.367.457	51.333.106.910						
GIÁ TRỊ CÒN LẠI												
Tại ngày 01/01/2020	21.951.460.649	6.493.675.976	1.832.815.123	-	554.166.655	30.832.118.403						
Tại ngày 31/12/2020	20.638.644.172	5.117.359.791	1.632.803.119	-	525.378.775	27.914.185.857						

* Giá trị còn lại của tài sản đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 21.507.415.975 VNĐ.

* Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 33.789.932.206 VNĐ

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***MÁU B09 - DN****19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)****19.3 Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp	Thặng dư	Quỹ đầu tư	LNST	Cộng
	của chủ sở hữu	vốn cổ phần	và phát triển	chưa phân phối	
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Tại ngày 01/01/2019	60.000.000.000	3.913.032.530	4.410.674.559	11.002.765.586	79.326.472.675
- Lỗ trong kỳ	-	-	-	(2.582.521.016)	(2.582.521.016)
- Trích quỹ	-	(3.913.032.530)	2.200.000.000	-	(1.713.032.530)
+ <i>Quỹ khen thưởng phúc lợi</i>	-	(1.713.032.530)	-	-	(1.713.032.530)
- Chi trả cổ tức	-	-	-	(15.000.000.000)	(15.000.000.000)
- Trích thù lao HĐQT và Ban kiểm soát trong kỳ	-	-	-	(408.000.000)	(408.000.000)
Tại ngày 31/12/2019	60.000.000.000	-	24.103.060	(2.577.080.871)	57.447.022.189
Tại ngày 01/01/2020	60.000.000.000	-	24.103.060	(2.577.080.871)	57.447.022.189
- Lỗ trong kỳ	-	-	-	(7.108.668.649)	(7.108.668.649)
Tại ngày 31/12/2020	60.000.000.000	-	24.103.060	(9.685.749.520)	50.338.353.540

